

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 306/2020/DS-PT

Ngày 28- 12 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 11 và ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 223/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn A (Trần Tấn A), sinh năm 1972 (vắng mặt);

2. Bà Trương Thị N (Trương Kim N), sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A, bà N: Ông Nguyễn Trọng Ng, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: đường N, khóm 8, phường 5, thành phố C, tỉnh C (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Trần Tấn A, bà Trương Kim N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Thị L trình bày: Bà có tham gia hai dây hụi do ông Trần Tấn A,

bà Trương Kim N làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội 2.000.000đ mở ngày 02/12/2015al, tháng khui 01 lần, gồm có 30 chung, bà tham gia hai chung. Đối với hai chung hội trên, bà đóng được 12 lần thì ông A, bà N tuyên bố đình hội. Dây hội này, ông A, bà N còn nợ 48.000.000đ.

Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000đ mở ngày 09/4/2016al, tháng khui 01 lần có 24 chung, bà tham gia 2 chung. Đối với hai chung hội trên, bà L đóng được 08 lần thì ông A, bà N tuyên bố đình hội. Dây hội này, ông A, bà N còn nợ 16.000.000đ.

Ngoài ra, bà có cho ông A, bà N mượn hai lần với tổng số tiền 27.000.000đ, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất vào ngày 12/9/2016al, bà cho ông A, bà N mượn 22.000.000đ.

- Lần thứ hai vào ngày 08/11/2016al, bà cho ông A, bà N mượn 5.000.000đ.

Bà L yêu cầu ông A, bà N trả lại số tiền hội và tiền vay là 91.000.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút yêu cầu ông A, bà N trả số tiền nợ vay 5.000.000đ vào ngày 08/11/2016al. Bà yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ 86.000.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:75/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L.

Buộc ông Trần Văn A và bà Trương Thị N trả cho bà Trương Thị L số tiền nợ hội và vay là 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Trần Văn A và bà Trương Thị N trả tiền nợ vay 5.000.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/9/2020, ông Trần Tấn A và bà Trương Kim N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo, cụ thể: Dây hội thứ nhất: Hội 2.000.000đ mở ngày 02/12/2015al, bà L tham gia 01 chung và đóng được 10 lần thì bề hội, số tiền bà L đã đóng là 12.530.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000đ mở ngày 09/4/2016 al, số tiền bà L đã đóng là 3.815.000 đồng. Cả hai chung hội bà L đã đóng được là 16.345.000 đồng, sau đó bà Phấn đã đóng thay cho ông bà được 5.000.000 đồng thì ngưng. Nay ông bà đồng ý trả tiếp cho bà L số tiền còn lại là 11.345.000 đồng. đối với tiền vay bà xác định không có vay nên không đồng ý trả.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên kháng cáo và xác định giấy hội có hai tên cô Mười là tên của bà L và một

người nữa là em chồng của bà N nên ghi là trùng tên, thực tế bà L chỉ tham một chung ở mỗi dây hụi nhưng do bụi bể nên xin trả lại vốn. Đối với tiền vay bà N xác định không có nên không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Tấn A và bà Trương Kim N cho rằng bà Trương Thị L có tham gia hai chung hụi ở hai dây hụi do bà N, ông A làm chủ, cụ thể: dây hụi thứ nhất: Hụi loại 2.000.000 đồng mở ngày 02/12/2015al, bà L tham gia 01 chung và đóng được 10 lần thì bể hụi, số tiền bà L đã đóng là 12.530.000 đồng. dây hụi thứ hai: Hụi loại 1.000.000 đồng mở ngày 09/4/2016al, bà L tham gia 1 chung đã đóng được 06 lần với số tiền bà L đã đóng là 3.815.000 đồng. Cả hai chung hụi bà L đã đóng được là 16.345.000 đồng. Sau đó bà Phấn đã đóng thay cho ông A, bà N được 5.000.000 đồng thì ngưng. Nay ông A, bà N kháng cáo đồng ý trả tiếp cho nguyên đơn số tiền còn lại là 11.345.000 đồng. Đối với tiền vay bị đơn xác định không có vay nên không đồng ý trả. Xét đơn kháng cáo của bà N, ông A, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Giao dịch hụi giữa ông A, bà N và bà L là thực tế có diễn ra được các bên điều thừa nhận. Tuy nhiên các bên không thống nhất nhau về số chung hụi tham gia.

[3] Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện:

[3.1] Giấy hụi mở ngày 09/4/2016, giấy hụi mở ngày 02/12/2015, một giấy đề ngày 12/9/2016 al, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cung cấp một giấy xác nhận của bà Trần Kim Nhỏ, xác định bà L chỉ tham gia 01 chung hụi, còn việc ghi hai tên “Cô Mười” là của bà Nhỏ 01 chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định tên “Cô Mười” trong giấy hụi là tên thường gọi của bà L nhưng trong giấy hụi có hai người tên “ Cô Mười”, mỗi người chơi 01 chung.

[3.2] Theo các danh sách hụi viên ngày 02/12/2015al, ngày 09/4/2016al và giấy ngày 12/9/2016al có ghi “Cô Mười” hai chữ liền kề trên giấy hụi. Xét thấy danh sách hụi do chủ hụi giao cho các hụi viên, có ghi tên cô Mười hai lần nghĩa là hai chung trong một dây hụi, bị đơn cho rằng đây là hai chung hụi của hai người nhưng bị đơn cũng không trình bày được cách phân biệt chung hụi của bà L. Điều này là không có căn cứ vì khi giao danh sách cho các hụi viên là để hụi viên biết được những ai tham gia trong dây hụi nên không có chuyện ghi trùng nhau. Ngoài ra không có bất cứ giấy tờ gì thể hiện hai chung hụi ghi tên “Cô Mười” là của hai người tham gia, do đó cấp sơ thẩm xác định bà L có tham gia

04 chung hui trong hai dây hui mở ngày 02/12/2015al, ngày 09/4/2016al là có căn cứ.

[4] Bị đơn xác định do bề hui nên xin được trả lại tiền vốn mà nguyên đơn đã đóng nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ liên quan đến việc bề hui và thực tế lý do vì sao ngừng hui phía bị đơn cũng không cung cấp được nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc trả lại cho nguyên đơn bằng số tiền gốc đã đóng. Bà N cho rằng bà Phấn đã đóng thay cho bà số tiền 5.000.000 đồng nhưng Tòa án không làm việc được với bà Phấn, bà L không thừa nhận có việc đóng hui thay nên không có căn cứ đối trừ cho bà N.

[5] Đối với biên nhận vay số tiền 22.000.000 đồng, bà N xác định không phải là chữ ký và chữ viết là của bà N và tại phiên tòa phúc thẩm bà N yêu cầu được giám định chữ ký nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để bà N và ấn định thời gian để bà N làm thủ tục giám định nhưng hết thời gian quy định bà N vẫn không làm thủ tục để giám định chữ ký. Do đó, việc bà N cho rằng chữ viết và chữ ký trong biên nhận vay tiền không phải là chữ viết của bà N nhưng bà N không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên cấp sơ thẩm buộc bà N, ông A có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay của bà L số tiền 22.000.000 đồng theo biên nhận nợ là có căn cứ.

[6] Bản án sơ thẩm xác định bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi vay 5.000.000 đồng và án sơ thẩm đình chỉ đối với khoản tiền 5.000.000 đồng là chưa đúng quy định, vì đây là trường hợp thay đổi yêu cầu khởi kiện, xét thấy đây là sai sót nhỏ nên không cần thiết phải sửa án, cần rút kinh nghiệm án sơ thẩm phần này.

[7] Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[8] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu, bị đơn đã dự nộp được chuyển thu án phí.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Tấn A (Trần Văn A) và bà Trương Kim N (Trương Thị N).

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L.

Buộc ông Trần Tấn A (Trần Văn A) và bà Trương Kim N (Trương Thị N) trả cho bà Trương Thị L số tiền nợ hụi và vay là 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà Trương Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Tấn A và bà Trương Thị N chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông A và bà N còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Tấn A và bà Trương Kim N phải chịu số tiền 4.300.000 đồng bà Trương Thị L không phải chịu. Ngày 15 tháng 5 năm 2020 bà L có dự nộp tạm ứng số tiền 1.138.000 đồng theo biên lai thu số 0010634 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Tấn A và bà Trương Kim N mỗi người phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 10/9/2020, ông A, bà N mỗi người có dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0011029 và 0011028 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào

